

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32A/2024/DS-ST

Ngày: 14/5/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Cát Hoàng Trân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lưu Văn Có**

2. Ông **Đặng Trần Khoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Võ Thu Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 382/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-DS ngày 23/4/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm 1988

Địa chỉ: P, P, N, Khánh Hòa

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Ngọc H – Sinh năm 1988 và ông Hà Thanh B – sinh năm 2001 (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/8/2023)

Địa chỉ: A M, P, N, Khánh Hòa.

Bà H có mặt. Ông B vắng mặt.

*** Bị đơn: 1. Bà Vũ Hoài T1 – sinh năm: 1979**

Nơi ĐKKHKT: 49/42/A2 H, V, N, Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: P, P, N, Khánh Hòa. Bà T1 có mặt.

2. Ông Mã Văn H1 – sinh năm: 1977

Nơi ĐKKHKT: P, P, N, Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: P, P, N, Khánh Hòa. Ông H1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vì là chỗ quen biết nên bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng ông Mã Văn H1 bà Vũ Hoài T1 vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 17/12/2022, vay số tiền 260.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất và hạn 03 tháng sau sẽ trả. Cùng ngày, hai bên giao nhận tiền trực tiếp. Tiếp theo, đến ngày 26/12/2022, bà T1 tiếp tục vay thêm của bà T

20.000.000 đồng nhưng tiền lại chuyển vào tài khoản số 2222239797979 của ông Mã Văn H1 tại Ngân hàng Q vào ngày 26/12/2022 với nội dung “Em T cho mượn”.

Tuy nhiên, thời gian đã lâu, mặc dù đã liên hệ đòi tiền nhiều lần nhưng vợ chồng bị đơn đã không trả nợ đúng hạn cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Mã Văn H1, bà Vũ Hoài T1 thanh toán cho bà số tiền nợ gốc hai lần vay tổng cộng 280.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, từ ngày vi phạm thời hạn trả 18/3/2023 đến ngày vợ chồng bị đơn thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 280.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 14/5/2024 là 31.978.800 đồng.

Bị đơn bà Vũ Hoài T1 trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà Nguyễn Thị T hai lần tiền như nội dung bà T khởi kiện với tổng số tiền là 280.000.000 đồng và có hẹn đến ngày 17/3/2023 sẽ trả. Nhưng do làm ăn khó khăn việc trả nợ cho bà T chưa thực hiện được. Nay bà T khởi kiện yêu cầu trả nợ thì bà đồng ý trả tiền gốc 280.000.000 đồng theo thời gian như sau:

- Trả 100.000.000 đồng vào cuối tháng 6 năm 2024
- Trả 90.000.000 đồng vào tháng 12 năm 2024
- Trả số tiền còn lại 90.000.000 đồng vào tháng 6 năm 2025.

Đối với yêu cầu trả lãi, bà đồng ý trả lãi tính từ ngày 18/3/2023 đến ngày 18/11/2023 với số tiền 18.592.000 đồng. Bà có nguyện vọng xin bà T không tính lãi thêm kể từ ngày 19/11/2023.

Tại phiên tòa, bà thừa nhận số tiền gốc còn nợ 280.000.000 đồng và đồng ý yêu cầu trả lãi của bà T 31.978.800 đồng. Bà xin thời gian trả dần số nợ cụ thể:

- Trả 100.000.000 đồng vào cuối tháng 6 năm 2024
- Trả 90.000.000 đồng vào tháng 12 năm 2024
- Còn lại 90.000.000 đồng tiền gốc và 31.978.800 đồng tiền lãi sẽ trả trong năm 2025.

Theo bản tự khai và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Mã Văn H1 trình bày: Ông thừa nhận có cùng bà T1 vay của bà T số tiền 260.000.000 đồng và ông chỉ đồng ý trả số tiền nêu trên cho bà T hạn cuối cùng vào tháng 6 năm 2025. Ngoài ra, ông không đồng ý trả thêm bất kỳ khoản nợ nào cho bà T. Ông H1 có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt và đề nghị xét xử theo pháp luật, ý kiến của bà Vũ Hoài T1 cũng là ý kiến của ông.

** Tại phiên tòa:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Mã Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Mã Văn H1.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Mã Văn H1, bà Vũ Hoài T1 thanh toán số nợ theo giấy vay tiền ghi ngày 17/12/2022 nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Mã Văn H1 và bà Vũ Hoài T1 hiện đang ở P, P, N, Khánh Hòa. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: Theo lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Mã Văn H1 và bà Vũ Hoài T1 còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền tổng cộng 260.000.000 đồng theo giấy vay tiền ghi ngày 17/12/2022 mà ông H1 và bà T1 đã ký cho bà T với thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay, các bên không thỏa thuận lãi suất. Đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn theo quy định của pháp luật. Bà T1 thừa nhận sau đó vay thêm của bà T 20.000.000 đồng và hẹn đến thời hạn như giấy vay tiền ngày 17/12/2022. Số tiền 20.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản số 2222239797979 của ông Mã Văn H1 tại Ngân hàng Q vào ngày 26/12/2022 với nội dung “Em T cho mượn”. Ông H1 tuy chỉ thừa nhận vay của bà T 260.000.000 đồng nhưng số tiền bà T1 vay thêm lại chuyển vào tài khoản của ông. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H1 cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ phản đối về số tiền vay 20.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản của ông. Mặt khác, trong đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, ông trình bày thống nhất ý kiến với bà T1. Như vậy, có căn cứ thấy rằng số tiền ông H1 và bà T1 vay của bà T tổng cộng là 280.000.000 đồng. Việc ông H1, bà T1 chậm thanh toán đã vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông H1, bà T1 thanh toán cho bà số tiền tổng cộng 280.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ cần chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả lãi chậm trả: Tại Giấy vay tiền ngày 17/12/2022, các bên tuy không có thỏa thuận về lãi suất nhưng có thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 17/12/2022. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả, cụ thể:

Tiền lãi chậm trả khoản vay 280.000.000 đồng x 0.027%/ngày x 423 ngày (từ ngày 18/3/2023 đến ngày 14/5/2024) = 31.978.800 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu tính lãi chậm trả của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Buộc ông H1, bà T1 phải trả cho bà T số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 14/5/2024 là 31.978.800 đồng.

[3.3] Xét ý kiến bị đơn về việc xin trả dần số nợ không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- H2 lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết .

Buộc ông Mã Văn H1 và bà Vũ Hoài T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 311.978.800 đồng (Ba trăm mười một triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng); Trong đó, nợ gốc chưa thanh toán là 280.000.000 đồng và nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 14/5/2024 là 31.978.800 đồng.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Vũ Hoài T1 và ông Mã Văn H1 phải chịu 15.598.940 đồng (mười lăm triệu năm trăm chín mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại 7.260.000 đồng (Bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000116 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Nha Trang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Cát Hoàng Trân

